

NỘI DUNG

1. CÁC KHÁI NIỆM.

2. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.

- Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi.
- Chặng đường phát triển.
- Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh.
- Khẳng định vị thế.
- Tổ chức và nhân sự.
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban Giám đốc
- Giới thiệu Ban Kiểm soát

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM.

- Tình hình sản xuất kinh doanh.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.
- Tình hình đầu tư thiết bị và mở rộng nhà máy.

4. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Định hướng phát triển.
- Kế hoạch năm 2013
- Báo cáo hội đồng Quản trị.

5. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS.

6. BÁO CÁO KIỂM TOÁN .

- Báo cáo của Ban Giám đốc.
- Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo.

CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban chứng khoán nhà nước.
Công ty	: Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam.
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	: Hội đồng quản trị.
BKS	: Ban kiểm soát.
BGD	: Ban giám đốc.
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
Điều lệ Công ty	: Điều lệ Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam.

PHẦN I: TỔNG QUAN CÔNG TY

1.1 Tầm nhìn:

Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và Quốc tế, Giữ vững sự phát triển là một doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu về khoáng sản và túi xách siêu thị PP. Nghiên cứu và tích hợp phát triển sản phẩm mới dựa trên nền tảng và công nghệ của các sản phẩm đang sản xuất.

1.2 Sứ mệnh:

Xây dựng và phát triển Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam bền vững trở thành nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực khoáng sản và túi xách siêu thị hàng đầu tại Việt Nam. Đi tiên phong trong lĩnh vực sản xuất túi thân thiện với môi trường. Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam luôn mang trong mình một sứ mệnh mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, người lao động.

1.3 Giá trị cốt lõi:

Phát triển bền vững cùng cộng đồng và xã hội và thân thiện với môi trường.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2.1 Thông tin chung về Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam.

Tên Công ty: Công ty Cp XNK Khoáng Sản Hà Nam.

Tên tiếng Anh: Hanam Import Export Mineral.,Jsc.

Viết tắt: MIHA.,JSC.



MIHA., JSC
CÔNG TY CP XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

Biểu tượng:

Người đại diện: Ông Nguyễn Viết Thạo – Tổng Giám Đốc.

Trụ sở: Khu CN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam.

Điện Thoại: 0351.3.846916.

Fax: 0351.3.849338.

Website: mih.vn

Email: mih@mih.vn

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ đồng)

2.2 Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam tiền thân là Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam được thành lập ngày 07 tháng 09 năm 2006 Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam ra đời đánh dấu sự khởi đầu của một hướng kinh doanh tuy không mới nhưng đầy hứa hẹn và có sức cạnh tranh trên thị trường Quốc tế.

Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam tập trung vào hoạt động sản xuất tinh chế các mảng khoáng sản xuất khẩu. Với những hoạt động sản xuất này Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam đã từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường Quốc tế, Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam không ngừng chú trọng mở rộng đầu tư, tìm kiếm khai thác mỏ khoáng sản mới, tận thu các nguồn tài nguyên khai thác chưa qua tinh chế đưa vào dây chuyền sản xuất hiện đại tại khu CN Châu Sơn tạo ra những sản phẩm có giá trị có sức cạnh tranh cao trên thị trường xuất khẩu, và thị trường nội địa.

Từ ngày 02 tháng 01 năm 2008 Công ty TNHH XNK Khoáng Sản Hà Nam đổi tên thành Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam, bên cạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc hiện đại, đào tạo đội ngũ quản lý, kỹ sư, công nhân có tay nghề vận hành dây chuyền sản xuất. Năm 2007 nhận thấy sản phẩm túi xách siêu thị PP là một sản phẩm mới có tiềm năng lớn, phù hợp với yêu cầu của thị trường quốc tế túi xách siêu thị PP là một sản phẩm thân thiện với môi trường và là sản phẩm chủ yếu của các tập đoàn siêu thị lớn tại Châu Âu và Mỹ và các nước khác. Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam đã đầu tư xây dựng thêm một nhà máy tại Cụm CN Thi Sơn, Kim Bảng Hà Nam đầu tư dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản lý, sản xuất đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Qua 07 năm hình thành và phát triển, với đội ngũ cán bộ, công nhân viên giàu kinh nghiệm, tận tâm, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo đã đưa Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam nằm trong Tốp những Công ty xuất khẩu hàng đầu về khoáng sản và túi xách siêu thị trong những năm qua.

2.3 Những thành tựu:

Năm 2006 Công ty chỉ có một mặt hàng vật liệu xây dựng xuất khẩu và có ba khách hàng thì đến nay lĩnh vực khoáng sản và vật liệu xây dựng được đa dạng hóa về sản phẩm và thiết lập được mạng lưới khách hàng rộng lớn của thị trường EU và Châu Á.

Bên cạnh đó năm 2007 Công ty đã đầu tư và phát triển dây chuyền sản xuất túi xách siêu thị đến nay sản phẩm này đã chiếm được thị phần lớn trong các Tập đoàn siêu thị lớn trên toàn thế giới, sản phẩm túi xách siêu thị của Công ty đã có mặt hầu hết thị trường các nước trên thế giới như, Mỹ, Canada, Nam Phi, Brazil, Khối EU, Ai Cập, Nhật Bản....., đến nay Công ty tự hào là nhà sản xuất, xuất khẩu khoáng sản và túi xách siêu thị hàng đầu tại Việt Nam.

Trong niên độ tài chính 2011-2012 Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng khoáng sản và túi xách siêu thị hàng đầu tại Việt Nam và một trong những Công ty xuất khẩu hàng đầu về những mặt hàng này tại Việt nam.

2.4 Ngành nghề kinh doanh của Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam.

- + Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất.
- + Sản xuất, mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình.
- + Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất)
- + Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn, vỏ bao, bao bì đóng gói, may trang phục, bao bì.
- + Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy.
- + Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống.
- + Mua bán và sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu gỗ.
- + Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và các hoạt động sản xuất dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo máy.
- + Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may.
- + Sản xuất gia công cơ khí.
- + Chế biến đá; Sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu nhựa, từ nguyên liệu giấy.
- + Mua bán, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị: máy điều hòa, thiết bị nội thất gia đình.
- + Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.
- + Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng.
- + Sản xuất máy móc, thiết bị thông thường phục vụ dân sinh.
- + Sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may.

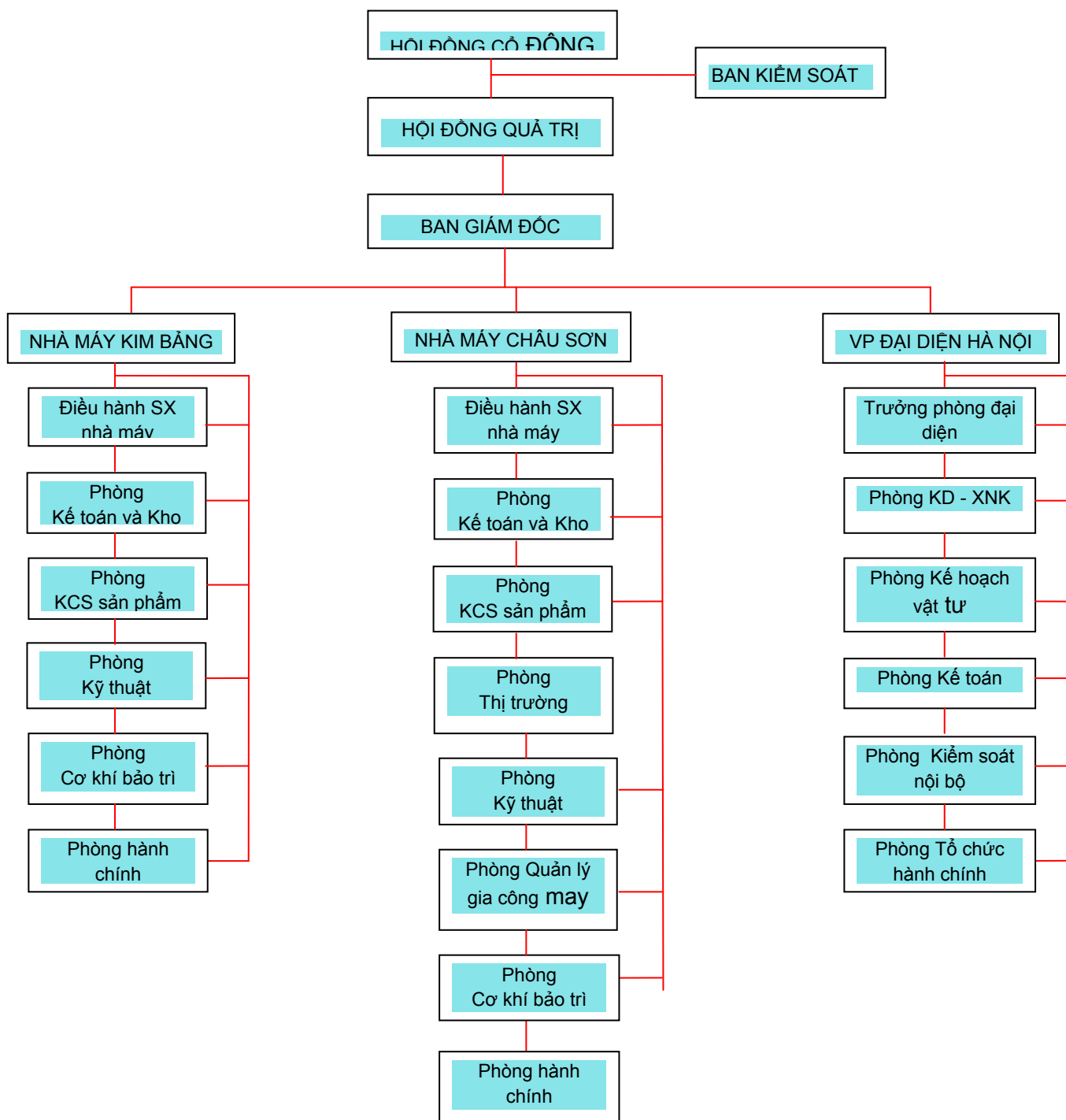
- + Sản xuất xi măng (PC300-PC500), các sản phẩm từ bê tông.
- + Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

CƠ CẤU CÔNG TY

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.

3.2 Sơ đồ tổ chức



3.3 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam có 5 thành viên gồm những thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Văn Việt	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Viết Thạo	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phạm Đức Thuận	Ủy viên HĐQT
4	Ông Bùi Quang Thứ	Ủy viên HĐQT
5	Ông Chu Văn Trọng	Ủy viên HĐQT

3.4 Ban giám đốc:

Công ty hiện nay có một Tổng giám đốc. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo điều 32 của điều lệ Công ty.

Cơ cấu ban giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Viết Thạo	Tổng giám đốc Công ty
2	Ông Chu Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc

3.5 Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tối thiểu là 03 người và tối đa là 05 người. Người trong BKS ít nhất phải có 01 người có trình độ chuyên môn kế toán do ĐHĐCĐ bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ của HĐQT. BKS bầu 01 người làm Trưởng ban. Trưởng BKS là cổ đông hoặc người đại diện cho cổ đông

Ban kiểm soát Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Duy Phước	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Kim Cương	Thành viên BKS
3	Ông Lê Văn Triều	Thành viên BKS

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4. Sản phẩm của Công ty:

4.1 Khoáng sản:

Đá hạt trang trí và các loại quặng được sản xuất, tinh chế tạo ra những sản phẩm đang có tính cạnh tranh trên thị trường, tạo ra sức hấp dẫn cho các thị trường Châu Á, Trung Đông và EU.

4.2 Túi xách siêu thị :

Sản phẩm này Công ty đang áp dụng những tiến bộ về khoa học sản xuất và đầu tư máy móc hiện đại, quy trình sản xuất kiểm tra chặt chẽ hiện đang chiếm lĩnh phần lớn thị trường xuất khẩu trên thế giới đã và đang đáp ứng được mọi kỳ vọng của các tập đoàn siêu thị trên thế giới về số lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm và các dịch vụ đi kèm tạo niềm tin lớn cho khách hàng.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012 doanh thu của công ty đạt 366,650 tỷ đồng giảm 19,236 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

5.1 Tình hình kinh doanh:

Thuận Lợi: Với chiến lược và đường lối định hướng sản phẩm sản xuất, xuất khẩu mũi nhọn của Công ty từ đầu nên Công ty đã đưa ra được những giai đoạn đầu tư và phát triển hợp lý.

Bên cạnh đó với đội ngũ Cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có năng lực và tận tâm vì sự phát triển của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Máy móc thiết bị, phương tiện được đầu tư hiện đại, dây chuyền sản xuất được đầu tư khép kín hoạt động ổn định đáp ứng mọi nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty.

Khó khăn: tình hình kinh tế của Thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, lãi suất và lạm phát vẫn ở mức cao, nguyên vật liệu đầu vào biến động liên tục, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi phí tiền lương tăng cao do chính sách điều chỉnh tiền lương của nhà nước.

5.2 Tình hình đầu tư:

Năm 2012 Công ty chú trọng vào việc nâng cao tay nghề nhân công để khai thác tối đa công suất sản xuất của nhà máy đồng thời tìm các nguyên vật liệu đầu vào đa

dạng dễ thay thế, ổn định thị trường nên Công ty không đầu tư thêm dây chuyền thiết bị mới.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

6.1 Kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2011-2012

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn với khối doanh nghiệp ngoài Quốc doanh, dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều doanh nghiệp đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc tạm dừng hoạt động. Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô còn nhiều bất lợi đó, Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam vẫn đứng vững và tiếp tục phát triển là một trong số ít các doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng sản lượng tiêu thụ. Đó là nhờ những chủ trương đúng đắn của Hội đồng Quản trị, giải pháp điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực lao động cần cù của gần 400 cán bộ công nhân viên của Công ty.

6.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Niên độ TC 2010-2011	Niên độ TC 2011-2012	Mức tăng trưởng (± %)
1	2	3	4	5
Sản lượng tiêu thụ				
- Khoáng sản	Nghìn tấn	20.000	15.663	- 21.680%
- Túi xách siêu thị	Triệu túi	55.000	44.853	- 18.450 %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	385,886	366,650	- 4,985 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,789	4,993	+ 35,410 %

Niên độ tài chính 2011 - 2012, các chỉ tiêu về sản lượng bán hàng và doanh thu của Công ty về cơ bản đều đã hoàn thành so với kế hoạch và chỉ tiêu đề ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế cũng đã đạt được 4.993 tỷ đồng, đạt 99,9 % kế hoạch. So sánh với kết quả kinh doanh năm tài chính 2010 - 2011, có thể thấy các chỉ tiêu trên trong năm tài chính 2011 - 2012 giảm đáng kể, với mức giảm sản lượng tiêu thụ là 18,6%, doanh thu giảm 4.9 %, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có sự nhảy vọt với mức tăng 31.9 %. Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi như năm 2012 và sản lượng tiêu thụ hàng hóa giảm thì mức tăng lợi nhuận sau thuế là tốc độ tăng trưởng rất đáng tự hào. Để đạt được bước tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế khi về sản lượng tiêu thụ hàng hóa và doanh thu giảm như trên, trong niên độ vừa qua Công ty đã hết sức chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn

sâu, các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được vận hành tối đa công suất với độ ổn định cao. Bên cạnh đó là những định hướng mới trong công tác điều hành nhằm đưa hoạt động của Công ty dần đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả và minh bạch. Các công tác nhằm hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất, tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất tại nhà máy và hệ thống bán hàng tại văn phòng Đại diện cũng như các công tác liên quan đến tiết giảm chi phí bao gồm rà soát quy trình sản xuất, công tác chuẩn bị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chuẩn bị sản xuất, chào giá cạnh tranh, mua nguyên vật liệu đúng thời điểm, xử lý nhanh hàng tồn kho chậm luân chuyển, v.v... luôn được nhấn mạnh và thực hiện có hiệu quả. Chính những yếu tố trên đã góp phần giúp Công ty hoàn thành được chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu, đồng thời tạo tiền đề cho bước đột phá về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Chi phí tài chính của Công ty đã giảm đáng kể so với niên độ trước. Ngoài ra, trong niên độ vừa qua Công ty đã thực hiện tốt công tác xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển nên tổng dư nợ vay cũng như tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu đã giảm so với niên độ trước, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn vay đã được nâng cao. Đồng thời Công ty cũng chú trọng nhiều hơn tới công tác thu hồi nợ sớm từ khách hàng. Trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào biến động hết sức phức tạp dưới tác động của tình hình kinh tế thế giới thời gian qua, Công ty đã tận dụng được những lợi thế cạnh tranh cũng như uy tín thương hiệu để ổn định giá bán, đảm bảo mức lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, việc thay đổi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng có mức lợi nhuận cao cũng góp phần giúp Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế ấn tượng trên.

6.3 Định hướng phát triển:

A, Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam trở thành một thương hiệu mạnh có sức cạnh tranh trên trường quốc tế, chú trọng đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật sản xuất của nhà máy.

B, Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng thương hiệu Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam và văn hóa doanh nghiệp.

Xây dựng chiến lược bán hàng ngắn hạn và dài hạn theo định hướng phát triển của Công ty, tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm giảm giá thành sản xuất cho sản phẩm

Nâng cao năng lực cạnh tranh về sản phẩm cũng như chất lượng phục vụ dịch vụ cho khách hàng, quan hệ với khách hàng tốt nhằm tạo được nhiều niềm tin của khách hàng.

Nhanh chóng kiện toàn tổ chức hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo hợp lý nhằm đáp ứng theo lộ trình và định hướng phát triển của Công ty.

Nhanh chóng triển khai tự động hóa điện tử, áp dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt chẽ các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên liệu và nhân công, tăng cường năng suất chất lượng, an toàn và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

C, Các giải pháp về đầu tư

Đầu tư dây chuyền may tự động nhằm tăng cường năng suất lao động ổn định đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời hoàn thiện hệ thống chính sách lương thưởng, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với thu nhập của người lao động.

D, Các giải pháp về kiểm soát và giảm chi phí

Cân đối định mức hàng tồn kho hợp lý để tối ưu hoá nhu cầu vay ngắn hạn; cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND theo từng thời kỳ để hạn chế chi phí lãi vay .

Hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất và kế hoạch vật tư và thành lập Kiểm soát nội bộ nhằm định giá để thực hiện các công tác chào giá cạnh tranh, kiểm soát giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

Rà soát lại định mức sản xuất và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng tháng, quý, bán niên để hoàn thiện định mức. Xây dựng các cơ chế khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích các đơn vị, cá nhân nỗ lực tìm tòi, đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.

Theo dõi và dự báo các diễn biến về giá nguyên vật liệu để từ đó quyết định số lượng và thời điểm mua nguyên liệu hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá mua tốt nhất và chất lượng phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí sản xuất.

Giám sát chặt chẽ và có phương án xử lý kịp thời hàng tồn kho chậm luân chuyển nhằm giảm chi phí lãi vay, đảm bảo sự ổn định của dòng tiền, bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên đánh giá hạn mức công nợ, tuổi nợ, phân loại nợ; theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro nợ phải thu. Thực hiện đa dạng hóa thị trường, vận dụng triệt để chiến lược “Dẫn đầu chi phí thấp”, “Mua tận gốc, bán tận ngọn” dựa trên các lợi thế cạnh tranh sẵn có.

E, Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Công ty CP XNK Khoáng Sản hà nam thực hiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm các mục tiêu sau:

Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, dự nguồn có năng lực, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng. Công ty có bộ phận chuyên trách đào tạo phát triển nguồn nhân lực để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển trình độ chuyên môn, tay nghề cán bộ công nhân viên đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty

G,Kế hoạch kinh doanh năm 2013

Căn cứ vào đà phục hồi của kinh tế thế giới, Hội đồng quản trị giao cho chỉ tiêu và kế hoạch như sau:

Doanh thu ≥ 360 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế ≥ 3.5 tỷ đồng.

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Viết Thạo

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A, Tình hình chung.

Năm 2012, kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và cú sốc khủng hoảng nợ công năm 2010 tại Châu Âu. Trong nước, tình hình cũng không khả quan hơn khi các yếu tố tiềm ẩn đe dọa gây bất ổn cho nền kinh tế vẫn còn hiện hữu. Các chính sách tài khóa và tiền tệ chặt chẽ của Chính phủ trong nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô được thực thi từ năm 2011 đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất của các Công ty. Bên cạnh đó, khó khăn của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã góp phần đẩy nhiều doanh nghiệp Việt Nam rơi vào tình cảnh khốn đốn. Trong bối cảnh tình hình thị trường đang diễn biến phức tạp như hiện nay, làm thế nào để tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn này là mục tiêu đầy thách thức đặt ra cho Hội đồng Quản trị Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam. Trước tình hình trên,

Hội đồng Quản trị Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam đã đề ra những quyết sách đúng đắn, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện những giải pháp điều hành linh hoạt nhằm ứng phó kịp thời những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Kết thúc niên độ tài chính 2011 - 2012, Công ty CP XNK Khoáng Sản Hà Nam một lần nữa hoàn thành xuất sắc mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra, tiếp tục khẳng định một năng lực và sức cạnh tranh của Công ty trên trường quốc tế.

Nhà máy sản xuất vận hành ổn định, được mở rộng cả chiều rộng lẫn chiều sâu, Thị trường tiêu thụ được mở rộng và đa dạng hóa thị trường và khách hàng, từ chỗ trước đây chỉ bán hàng cho vài khách hàng bây giờ công ty đã bán hàng cho nhiều khách hàng, điều này làm cho thị trường tiêu thụ của Công ty càng ngày càng ổn định

B, Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu

Doanh thu từ sản phẩm túi dệt PP chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của công ty và được xem là sản phẩm chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm tới.

Doanh thu từ túi xách là 306,650 tỷ đồng; doanh thu từ đá là 24,240 tỷ đồng; Doanh thu bán hàng hóa 35,921 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2012

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Mức tăng trưởng(± %)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385,886	366.650	- 4,985 %
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,558	6,172	+ 35,410 %
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,786	4,993	+ 31,880 %

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2013

1. Định hướng chiến lược giai đoạn 2013-2015

1.1. Về mô hình hoạt động:

Công ty CP XNK Khoáng sản Hà Nam xác định chiến lược giai đoạn 2010-2015 là xây dựng công ty theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Trong đó Công ty mẹ xây dựng từ Công ty CP XNK Khoáng sản Hà Nam hiện tại. Các Công ty con hoặc Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư hoặc góp vốn đầu tư.

1.2. Về lĩnh vực hoạt động:

Công ty xác định các hoạt động kinh doanh là mở rộng sản xuất sản phẩm túi siêu thị và công ty sẽ sản xuất thêm các sản phẩm khác theo định hướng xuất khẩu.

1.3. Về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong giai đoạn 2013 - 2015, với lợi thế đã niêm yết cổ phiếu trên TTCK và dựa trên nguồn lợi nhuận giữ lại, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao tiềm lực về tài chính, giảm dư nợ tín dụng.

2. Kế hoạch mục tiêu năm 2013:

1.4. Nhận định ngắn hạn về tình hình kinh tế và thị trường

Kinh tế trong nước: Hiện nay kinh tế vĩ mô đang dần ổn định, lạm phát được kiểm soát và sản xuất đang trên đà phục hồi nhưng tình hình kinh tế trong nước năm 2013 dự kiến vẫn có nhiều biến động mạnh, thiếu ổn định, do khủng hoảng nợ công ở các nước Châu Âu và Mỹ khiến họ cắt giảm đầu tư khiến thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam bị thu hẹp, nguồn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam cũng giảm. Giá hàng hóa (nguyên nhiên vật liệu) trên thế giới tăng giảm bất thường gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong nước một số tồn tại từ năm 2013 đưa sang cụ thể là lạm phát cao, rủi ro về thanh khoản, nợ xấu ngân hàng vẫn tăng, giá cả hàng hóa cơ bản tiếp tục đứng ở mức cao, giá hàng hóa thiết yếu tiếp tục tăng do giá nước ngoài tăng và chênh lệch ngoại hối và việc tiếp tục điều chỉnh tăng giá một số hàng hóa trong nước theo hướng giá thị trường như điện, than, xăng dầu.. Chính phủ đã xác định, ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nâng cao chất lượng, hiệu quả và sự cạnh tranh của nền kinh tế.

Kinh tế thế giới: Kinh tế Mỹ phục hồi chưa mạnh, Châu Âu vẫn tiếp tục phải giải quyết vấn đề nợ công, Trung Quốc sẽ chịu tác động từ việc thu hẹp thị trường xuất khẩu phương Tây, tình trạng đóng băng của thị trường lao động Mỹ và bong bóng trên thị trường tài chính Trung Quốc cùng lúc tác động lên nền kinh tế thế giới và những bất ổn địa chính trị tại Bắc phi và Trung đông làm cho hàng hóa cơ bản vẫn tiếp tục đứng ở mức cao và có khả năng tiếp tục tăng trong thời gian tới. Chi tiêu tiêu dùng chưa phục hồi nhiều vì người dân chưa lạc quan nhiều vào nền kinh tế và do giá cả tăng cao ảnh hưởng đến chi tiêu của các gia đình.

1.5. Kế hoạch đầu tư 2013

Năm 2013, Công ty chủ yếu tập trung ổn định tình hình sản xuất tại các nhà máy, tăng cường giám sát chặt chẽ các khâu sản xuất, các quy trình sản xuất, giảm tồn đọng của nguyên vật liệu tồn kho.

Đối với các kế hoạch đầu tư khác, Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu và trình xin ý kiến Đại hội cổ đông vào thời điểm phù hợp.

1.6. Định hướng phát triển 2013

Tập trung hoàn thiện hệ thống quản lý từ nhà máy đến công ty, theo hướng gọn nhẹ và chuyên môn hóa, tận dụng tối đa công nghệ thông tin vào quản lý.

Tiếp thị hiệu quả với giá bán cạnh tranh để có đầy đủ các đơn hàng trên cơ sở định hướng xuất khẩu.

Kiểm soát chặt chẽ để tiết kiệm vật tư nhiên liệu năng lượng, chống mọi biểu hiện lãng phí; thực hiện đồng bộ chương trình giảm phế liệu và chống sót lỗi hiệu quả - tập trung vào một số khâu then chốt.

Tiếp tục sử dụng các loại nguyên liệu tái sinh, phụ gia một cách hiệu quả để giảm chi phí sản xuất mà vẫn bảo đảm các thông số kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp nguyên phụ liệu và vật tư kỹ thuật đầu vào, các định mức sử dụng vật tư sản xuất.

Duy trì hệ thống vệ tinh gia công để bảo đảm khai thác năng lực bên ngoài, kết hợp với việc hỗ trợ quản lý của các cơ sở, tăng cường các nguồn lực để kiểm tra kiểm soát đặc biệt chất lượng sản phẩm gia công.

Kiểm soát chặt hoạt động cung ứng và có những biện pháp hợp lý về giá cả và khối lượng mua nguyên phụ liệu trong tình hình thị giá nguyên liệu tăng và thay đổi nhanh theo tỷ giá USD, không để xảy ra tình trạng giá bình quân tồn kho cao hơn thị trường kể cả những khi thị giá có giảm đột biến.

Chú trọng quản trị rủi ro tài chính, đặc biệt về công nợ khách hàng châu Âu; kiểm soát tốt dòng tiền và chuẩn bị sẵn nguồn vốn để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh khi ngân hàng hạn chế cho vay. Thường xuyên rà soát giá thành thực tế để có những chọn lựa và điều chỉnh phù hợp về chi phí sản xuất, giá bán.

Tìm ra các cơ hội để đầu tư mới nhằm tăng thêm hiệu quả sử dụng vốn.

Tăng cường quan hệ cổ đông nhằm cung cấp kịp thời thông tin về tình hình và kết quả hoạt động của công ty; thực hiện đầy đủ điều lệ công ty và các qui chế quản trị nội bộ và qui chế công bố thông tin.

1.7. Những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch hoạt động năm 2013:

1.8.

- **Doanh thu $\geq$ 360 tỷ VND**
- **Lợi nhuận sau thuế: $\geq$ 3,5 tỷ VND**

Tôi xin gửi lời cảm ơn của Ban lãnh đạo cũng như của các cán bộ nhân viên tới toàn thể quý vị cổ đông, vì sự hỗ trợ không ngừng của quý vị trong thời gian qua. Chúng tôi tin tưởng rằng các chiến lược và tầm nhìn của chúng ta sẽ giúp Công ty tiếp tục tăng trưởng, lớn mạnh, đạt được thành công trong những năm tới.

Xin trân trọng cảm ơn

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN VĂN VIỆT

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị:

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Ủy viên, trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, 02 thành viên không điều hành.

Cổ đông sáng lập gồm:	Giá trị vốn	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Viết Thạo	4.000.000.000	10%
Ông Trần Văn Việt	19.880.000.000	49,7%
Bà Hoàng Thị Hằng	120.000.000	0,3%

1.2 Hội đồng Quản trị:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	Tổng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Trần Văn Việt	Chủ tịch HĐQT	19.880.000.000	19.880.000.000	49.7%	Điều hành
2	Ông Nguyễn Viết Thạo	Thành viên HĐQT kiêm TGD	4.000.000	4.000.000	10 %	Điều hành
3	Ông Phạm Đức Thuận	Thành viên HĐQT	0	0	0 %	Không điều hành
4	Ông Chu Văn Trọng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	198.300	198.300	4.96 %	Điều hành
5	Ông Bùi Quang Thứ	Thành viên HĐQT	0	0	0%	Không điều hành

1.3 Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	Tổng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Duy Phước	Trưởng ban	3000	3000	0.08 %	Kiểm nhiệm
2	Bà Nguyễn Thị Kim Cương	Ủy viên				Chuyên trách
3	Ông Lê Văn Triều	Ủy viên				Kiểm nhiệm

1.4 Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	Tổng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Viết Thạo	Thành viên HĐQT kiêm TGD	4.000.000	4.000.000	10 %	Điều hành
2	Ông Chu Văn Trọng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	198.300	198.300	4.96 %	Điều hành

CÁC GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho ban điều hành theo quy định của pháp luật, tiền thù lao cho Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên ban hành.

1.1 Hội đồng quản trị

ĐVT: đồng

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Trần Văn Việt	Chủ tịch HĐQT	24.000.000
2	Ông Nguyễn Viết Thạo	Thành viên HĐQT kiêm TGD	24.000.000
3	Ông Phạm Đức Thuận	Thành viên HĐQT	24.000.000
4	Ông Chu Văn Trọng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	24.000.000
5	Ông Bùi Quang Thứ	Thành viên HĐQT	0

1.2 Ban kiểm soát

ĐVT: đồng

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Nguyễn Duy Phước	Trưởng ban	12.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Kim Cương	Ủy viên	12.000.000
3	Ông Lê Văn Triều	Ủy viên	0

1.2 Các giao dịch của ban điều hành:

Năm 2012 các thành viên trong ban điều hành không giao dịch.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đã được kiểm toán

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 26
<i>Phụ lục số 01: Chi tiết các khoản phải thu</i>	27
<i>Phụ lục số 02: Bảng tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	28
<i>Phụ lục số 03: Chi tiết tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất; Sản xuất, mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình; Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất); Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội bộ; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống; Mua bán, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị: máy điều hòa, thiết bị nội thất gia đình; Mua bán, sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu gỗ; Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng; Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói, may trang phục bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc, thiết bị thông thường phục vụ dân sinh; Sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may; Sản xuất xi măng (PC300 – PC500), các sản phẩm từ bê tông; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Sản xuất, gia công cơ khí; Chế biến đá, sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu nhựa, từ nguyên liệu giấy.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu CN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Văn phòng Công ty đặt tại: Số 204, Lô C, đường Nguyễn Phong Sắc kéo dài, Cầu Giấy, Hà Nội.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 thay đổi lần thứ 5 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000VND (*Bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ đông sáng lập gồm:	Giá trị vốn	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Viết Thọ	4.000.000.000	10,0%
Ông Trần Văn Việt	19.880.000.000	49,7%
Bà Hoàng Thị Hằng	120.000.000	0,3%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Văn Việt	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Viết Thạo	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Đức Thuận	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Bùi Quang Thứ	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Chu Văn Trọng	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Viết Thạo	Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hải Yến	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Duy Phước	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Cương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam

Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần
Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam phê duyệt Báo
cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2012 của Công ty.

Hà Nam, ngày 28 tháng 01 năm 2013

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Nguyễn Viết Thạo

Số: 1794/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam được lập ngày 28/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN SƠN THANH

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0591/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ

KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2013

NGÔ QUANG TIẾN

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0448/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125,282,495,339	155,149,958,201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,827,367,960	3,068,697,659
1. Tiền	111	V.01	4,827,367,960	3,068,697,659
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		59,734,669,956	77,411,663,917
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	54,045,156,154	75,364,506,470
2. Trả trước cho người bán	132		5,689,513,802	2,034,595,379
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	-	12,562,068
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		46,512,141,750	66,093,581,711
1. Hàng tồn kho	141	V.04	46,512,141,750	66,093,581,711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,208,315,673	8,576,014,914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125,009,709	151,236,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,621,001,693	6,740,732,061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	7,462,304,271	1,684,046,853
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56,683,115,299	66,525,729,617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		55,858,755,657	63,995,009,886
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	53,724,152,333	62,089,927,819
- Nguyên giá	222		75,757,576,907	77,287,535,784
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(22,033,424,574)	(15,197,607,965)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	237,755,047	40,051,972
- Nguyên giá	228		292,078,500	67,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(54,323,453)	(26,948,028)

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1,896,848,277	1,865,030,095
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		824,359,642	2,530,719,731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	824,359,642	2,530,719,731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181,965,610,638	221,675,687,818

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133,895,608,267	178,418,562,132
I. Nợ ngắn hạn	310		125,099,133,218	169,572,087,083
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	87,342,589,461	126,490,898,814
2. Phải trả người bán	312		31,463,984,388	36,953,002,145
3. Người mua trả tiền trước	313		3,039,835,145	75,189,080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	698,016,722	2,546,198,294
5. Phải trả công nhân viên	315		2,067,608,258	3,127,547,703
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	207,620,723	17,801,130
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		279,478,521	361,449,917
II. Nợ dài hạn	330		8,796,475,049	8,846,475,049
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	8,796,475,049	8,846,475,049
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48,070,002,371	43,257,125,686
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	48,070,002,371	43,257,125,686
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(10,691,000,000)	(10,691,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,848,084,725	1,377,092,473
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,011,439,445	741,216,224
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15,901,478,201	11,829,816,989
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181,965,610,638	221,675,687,818

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			212,459.98	7,566.01
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nam, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Thịnh

Trần Thị Hải Yến

Nguyễn Viết Thạo

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.15	366,650,711,657	385,886,597,555
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.16	366,650,711,657	385,886,597,555
4. Giá vốn hàng bán	11	V.17	325,329,054,247	339,494,731,934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41,321,657,410	46,391,865,621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	322,394,351	2,339,300,328
7. Chi phí tài chính	22	V.19	8,433,501,599	18,277,259,432
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,339,924,700	15,241,025,465
8. Chi phí bán hàng	24		14,884,689,437	16,386,314,935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,153,834,434	9,508,806,858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,172,026,291	4,558,784,724
11. Thu nhập khác	31	V.20	2,266,658,947	544,763,567
12. Chi phí khác	32	V.21	2,790,004,660	884,678,574
13. Lợi nhuận khác	40		(523,345,713)	(339,915,007)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,648,680,578	4,218,869,717
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	654,740,510	432,858,582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4,993,940,068	3,786,011,135
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,321	1,002

Hà Nam, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Thịnh

Trần Thị Hải Yến

Nguyễn Viết Thạo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	365,063,152,741	356,822,709,394
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(290,282,214,390)	(347,294,423,053)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27,522,306,478)	(24,970,821,149)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8,339,924,700)	(15,241,025,465)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	05	(115,629,044)	(200,648,569)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19,337,600,271	33,589,170,289
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(18,104,577,342)	(19,027,973,873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40,036,101,058	(16,323,012,426)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,541,115,522)	(25,447,725,747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2,214,593,627	249,565,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20,343,157	82,199,197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	693,821,262	(25,115,961,095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	263,160,434,587	346,219,757,549
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(302,113,611,599)	(298,836,067,875)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3,776,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38,953,177,012)	43,607,089,674
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,776,745,308	2,168,116,153
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,068,697,659	916,806,186
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18,075,007)	(16,224,680)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4,827,367,960	3,068,697,659

Hà Nam, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Thịnh

Trần Thị Hải Yến

Nguyễn Việt Thạo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 02 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu CN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Văn phòng Công ty đặt tại: Tầng 4 tòa nhà Technosoft, lô B1-D, KCN Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 03513.846.916

Fax: 03513.849.338

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0700241917 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Thăm dò khai thác chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất; Sản xuất, mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình; Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà, đất); Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội bộ; Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35KV trở xuống; Mua bán, chế tạo cơ khí, sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị: máy điều hòa, thiết bị nội thất gia đình; Mua bán, sản xuất các mặt hàng từ nguyên liệu gỗ; Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng; Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói, may trang phục bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc, thiết bị thông thường phục vụ dân sinh; Sản xuất, kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may; Sản xuất xi măng (PC300 – PC500), các sản phẩm từ bê tông; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Sản xuất, gia công cơ khí; Chế biến đá, sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu nhựa, từ nguyên liệu giấy.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 06221000026 cấp ngày 04/12/2007 của tỉnh Hà Nam Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam, hoạt động kinh doanh thuộc dự án “Nhà máy chế biến đá hạt xuất khẩu và sản xuất bao bì, túi xách” tại Khu công nghiệp Châu Sơn, tỉnh Hà Nam của Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm, được miễn thuế 03 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ ba Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 50% của mức thuế suất 15% cho hoạt động sản xuất túi. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 06121000074 ngày 25/8/2009 của tỉnh Hà Nam, Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% đối với hoạt động kinh doanh thuộc dự án “Nhà máy chế biến đá hạt xuất khẩu tại Hà Nam”.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong kỳ Công ty không phát sinh khoản mục này.

14. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính - hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 . Tiền**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tiền mặt tại quỹ	381,490,592	86,877,701
Tiền gửi ngân hàng	4,445,877,368	2,981,819,958
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	4,827,367,960	3,068,697,659

2 . Phải thu khách hàng ^(a)^(a) Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 27 của Báo cáo này**3 . Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải thu khác	-	12,562,068
Cộng	-	12,562,068

4 . Hàng tồn kho

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20,073,253,177	33,300,166,163
Công cụ, dụng cụ	1,531,719,657	1,941,283,388
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11,184,644,984	18,334,045,906
Thành phẩm	13,693,619,237	12,454,211,935
Hàng hóa	28,904,695	63,874,319
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	46,512,141,750	66,093,581,711
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần hàng tồn kho cuối kỳ	46,512,141,750	66,093,581,711

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tạm ứng	7,462,304,271	1,684,046,853
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Cộng	7,462,304,271	1,684,046,853

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 02 trang 28 của Báo cáo này

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm		-	67,000,000	67,000,000
Số tăng trong năm	-	225,078,500	-	225,078,500
- Mua trong năm	-	225,078,500		225,078,500
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	225,078,500	67,000,000	292,078,500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		-	26,948,028	26,948,028
Số tăng trong năm	-	5,042,081	22,333,344	27,375,425
- Khấu hao trong năm		5,042,081	22,333,344	27,375,425
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	5,042,081	49,281,372	54,323,453
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	40,051,972	40,051,972
Tại ngày cuối năm	-	220,036,419	17,718,628	237,755,047

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	1,896,848,277	1,865,030,095
- Dự án nhà máy sản xuất bao bì, túi xách	1,896,848,277	1,865,030,095
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		
Cộng	1,896,848,277	1,865,030,095

9 . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng	824,359,642	2,530,719,731
Cộng	824,359,642	2,530,719,731

10 . Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay ngắn hạn	87,342,589,461	126,490,898,814
- Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam ^(e)	41,866,021,493	93,658,332,978
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển - Sở giao dịch ^(f)	45,476,567,968	32,832,565,836
Cộng	87,342,589,461	126,490,898,814

^(e) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hà Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐTD ngày 07/05/2012 với thời hạn hạn mức từ ngày 07/05/2012 đến 30/04/2013. Hạn mức cho vay và bảo lãnh mở LC bằng vốn vay là: 90 tỷ đồng. Thời hạn nhận nợ cụ thể tối đa 6 tháng với lãi suất thả nổi. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất. Số dư nợ đến ngày 31/12/2012 là: 2.011.339,01 USD

^(f) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 theo hợp đồng tín dụng số 01.3708584.2012/HĐTNHM ngày 15/03/2012 với thời hạn rút vốn là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức cho vay và bảo lãnh mở L/C (trừ phần ký quỹ) là 90 tỷ đồng, thời hạn vay cụ thể. Lãi suất cho vay theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ đến ngày 31/12/2012 là 2.186.373,46 USD

11 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thuế xuất, nhập khẩu	-	114,616,081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	641,463,904	2,402,569,548
Thuế thu nhập cá nhân	56,552,818	29,012,665
Cộng	698,016,722	2,546,198,294

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Kinh phí công đoàn	13,086,400	11,041,130
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	148,599,988	-
Bảo hiểm xã hội	32,202,885	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13,731,450	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6,760,000
Cộng	207,620,723	17,801,130

13 . Vay dài hạn và nợ dài hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay dài hạn	8,796,475,049	8,846,475,049
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	6,196,475,049	8,846,475,049
- Ông Trần Văn Việt	2,600,000,000	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	8,796,475,049	8,846,475,049

⁽ⁱ⁾ Khoản vay ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2010/HĐTD ngày 30/12/2010 với thời hạn cho vay từ 30/12/2010 đến 30/12/2014. Phương thức cho vay: Cho vay theo dự án đầu tư, thời gian ân hạn là 6 tháng, thời gian trả nợ là 42 tháng. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi.

14 . Vốn chủ sở hữu**14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu** (Chi tiết tại phụ lục số 03 trang 29 của Báo cáo này)**14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ông Trần Văn Việt	20,178,000,000	20,178,000,000
Ông Nguyễn Viết Thạo	4,000,000,000	4,000,000,000
Vốn góp của cổ đông khác	15,822,000,000	15,822,000,000
Cộng	40,000,000,000	40,000,000,000

14.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,000,000	4,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,000,000	4,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	4,000,000	4,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	220,000	220,000
- Cổ phiếu phổ thông	220,000	220,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,780,000	3,780,000
- Cổ phiếu phổ thông	3,780,000	3,780,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

14.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 đồng	Năm 2011 đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,993,940,068	3,786,011,135
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4,993,940,068	3,786,011,135
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3,780,000	3,780,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,321	1,002

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**15 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu bán hàng (Nhà máy đá)	24,240,528,576	28,435,433,238

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Doanh thu bán hàng hóa	35,921,354,161	
Doanh thu bán hàng (Nhà máy túi)	306,488,828,920	357,451,164,317
Cộng	366,650,711,657	385,886,597,555
16 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Doanh thu thuần về bán hàng (Nhà máy đá)	24,240,528,576	28,435,433,238
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	35,921,354,161	
Doanh thu thuần về bán hàng (Nhà máy túi)	306,488,828,920	357,451,164,317
Cộng	366,650,711,657	385,886,597,555
17 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Giá vốn hàng đã bán (Nhà máy đá)	22,328,205,840	20,020,542,642
Giá vốn hàng hóa đã bán	31,277,164,902	
Giá vốn hàng đã bán (Nhà máy túi)	271,723,683,505	319,474,189,292
Cộng	325,329,054,247	339,494,731,934
18 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Lãi tiền gửi	20,343,157	82,199,197
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237,391,358	2,092,524,223
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64,659,836	164,576,908
Cộng	322,394,351	2,339,300,328
19 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Lãi tiền vay	8,339,924,700	15,241,025,465
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73,576,899	3,011,233,967
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí tài chính khác	20,000,000	25,000,000
Cộng	8,433,501,599	18,277,259,432
20 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Thu thanh lý tài sản cố định	2,214,593,627	170,243,351
Thu nhập khác	52,065,320	374,520,216
Cộng	2,266,658,947	544,763,567
21 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	2,084,947,226	249,545,455
Chi phí khác	705,057,434	635,133,119
Cộng	2,790,004,660	884,678,574

22 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5,648,680,578	4,218,869,717
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN	162,398,476	54,310,140
b1. Khoản điều chỉnh tăng	162,398,476	54,310,140
-Chi phí không hợp lý hợp lệ	162,398,476	54,310,140
b2. Khoản điều chỉnh giảm:		
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a+b)	5,811,079,054	4,273,179,857
d. Thuế TNDN phải nộp	654,740,510	432,858,582
Cộng	654,740,510	432,858,582

23 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	265,139,049,033	322,332,546,000
Chi phí nhân công	54,105,475,020	65,975,834,483
Chi phí khấu hao	7,817,501,025	6,247,464,138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25,326,213,526	26,866,914,154
Chi phí bằng tiền khác	19,019,773,128	23,720,602,213
	371,408,011,732	445,143,360,988

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong BC LCTT

(*) Năm 2012, Đơn vị được hoàn thuế VAT và được Cơ quan Thuế bù trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 2.300.217.110 đồng.

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Vay dài hạn	Chủ tịch HĐQT	Vay không tính lãi	2,600,000,000

*** Lương, thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2012**

Đơn vị tính: đồng				
TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương
1	Trần Văn Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	24,000,000	
2	Nguyễn Việt Thạo	Thành viên Hội đồng quản trị	24,000,000	
3	Chu Văn Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị	24,000,000	
4	Bùi Quang Thứ	Thành viên Hội đồng quản trị	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK KHOÁNG SẢN HÀ NAM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5	Phạm Đức Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị	24,000,000	
6	Nguyễn Duy Phước	Trưởng Ban kiểm soát	12,000,000	
7	Nguyễn Thị Kim Cương	Thành viên Ban kiểm soát	12,000,000	
	Tổng cộng		120,000,000	-

2 . Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực địa lý*

	Việt Nam	Nước ngoài	Đơn vị tính: đồng Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63,715,254,345	302,935,457,312	366,650,711,657
Tài sản bộ phận	31,621,335,498	150,344,275,140	181,965,610,638
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	186,166,235	885,131,105	1,071,297,340

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất túi	Hoạt động khác	Đơn vị tính: đồng Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	306,488,828,920	60,161,882,737	366,650,711,657
Khấu hao và chi phí phân bổ	5,112,299,655	3,502,185,587	8,614,485,242
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34,765,145,415	6,556,511,995	41,321,657,410
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	635,568,977	873,728,363	1,509,297,340
Tài sản bộ phận	152,107,783,062	29,857,827,576	181,965,610,638
Tài sản không phân bổ		-	
Tổng tài sản	152,107,783,062	29,857,827,576	181,965,610,638
Nợ phải trả bộ phận	118,883,934,075	14,552,984,826	133,436,918,901
Nợ phải trả không phân bổ	487,099,244	-	487,099,244
Tổng nợ phải trả	119,371,033,319	14,552,984,826	133,924,018,145

3 . Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	12/31/2012	1/1/2012	12/31/2012	1/1/2012
	đồng	đồng	đồng	đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,827,367,960	3,068,697,659	4,827,367,960	3,068,697,659
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54,045,156,154	75,377,068,538	54,045,156,154	75,377,068,538
Đầu tư ngắn hạn				
Cộng	58,872,524,114	78,445,766,197	58,872,524,114	78,445,766,197
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	31,671,605,111	36,970,803,275	31,671,605,111	36,970,803,275
Chi phí phải trả	-	-	-	-

Các khoản vay	96,139,064,510	135,337,373,863	96,139,064,510	135,337,373,863
Cộng	127,810,669,621	172,308,177,138	127,810,669,621	172,308,177,138

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoài trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

4 . Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2012 (được thuyết minh tại V.11).

5 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6 . Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	87,342,589,461	8,796,475,049	96,139,064,510
Phải trả người bán	31,463,984,388	-	31,463,984,388
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	207,620,723	-	207,620,723
Số đầu năm			
Các khoản vay	126,490,898,814	8,846,475,049	135,337,373,863
Phải trả người bán	36,953,002,145	-	36,953,002,145
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	17,801,130	-	17,801,130

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

9 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Chỉ tiêu Giá trị hao mòn lũy kế đầu kỳ trên bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh.

Hà Nam, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Xuân Thịnh****Trần Thị Hải Yến****Nguyễn Việt Thạo**